TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BM
TỈNH VL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2022
"V/v T/c ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông L P H;

Ông T Q B.

- Thư ký phiên tòa: Bà B T H T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST/HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị P T L, sinh năm 1986 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số nhà 109/26, QL 61, ấp Mỹ Hiệp 1, xã Tân Tiến, thành phố VT, tỉnh HG.

- *Bị đơn:* Anh N H T, sinh năm 1981 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 22, ấp Thuận Tân A, xã Thuận An, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2022 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 09/3/2022, nguyên đơn chị P T Ltrình bày: Vào tháng 3/2005, chị L và anh N H T quen biết và tiến tới hôn nhân. Cả hai có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, thành phố Vi Thanh, tỉnh HG theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23, quyển 01, ngày 11 tháng 4 năm 2008. Trong quá trình chung sống giữa chị L và anh T có một người con chung tên: N T K, sinh ngày 31/3/2006, hiện bé Kiên sống chung với chị L. Chị L và anh T không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Chị P T Lnhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, đồng thời hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2015 đến nay. Nay chị L yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn anh N H T.

- Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên: N T K, sinh ngày 31/3/2006, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do bận đi làm không đến theo giấy triệu tập của Tòa án được nên chị L xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm, đồng thời chị L cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

* Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 09 tháng 3 năm 2022 và ngày 24 tháng 3 năm 2022 nhưng anh N H T vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Xin vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị P T Lcó đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Anh N H T được Tòa án triệu tập tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 09 tháng 3 năm 2022 và ngày 24 tháng 3 năm 2022 nhưng anh T vắng mặt không lý do. Anh N H T được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa hôn nhân sơ thẩm lần 1 vào ngày 09 tháng 5 năm 2022 nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST/HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 và ấn định ngày mở phiên tòa lần 2 vào ngày 25 tháng 5 năm 2022 nhưng anh N H T vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm được tiến hành vào ngày 25 tháng 5 năm 2022 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị P T Lvà anh N H T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong cuộc sống hôn nhân của chị L và anh T thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm và thiếu sự quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện tại giữa chị L và anh T đã ly thân từ tháng 6 năm 2015 đến nay. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P T Llà phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P T Lvà anh N H T có một người con chung tên: N T K, sinh ngày 31/3/2006. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị L và nguyện vọng của bé N T K được sống chung với mẹ.

Hội đồng xét xử nhận định như sau: Để đảm bảo cho việc phát triển về thể chất, tinh thần của bé N T K, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P T Lgiao bé N T K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị P T Llà nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39,147 và khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 và Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P T L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị P T L được ly hôn với anh N H T.

2. Về con chung: Giao bé N T K, sinh ngày 31/3/2006 cho chị P T Ltrực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị P T Lphải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị L được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012479, ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị L đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- UBND xã Tân Tiến, TP VT: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

N T L T